

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2019/DS-ST**;  
Ngày: 07/5/2019;  
*V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Xuân**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Vẹn**

**Ông Nguyễn Văn Giang**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **ĐỒNG THỊ C** – sinh năm 1954.

Địa chỉ: số 2556 Phạm Thế H, Phường 7, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở: ấp B 1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **LÊ MINH M** - sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** **NGUYỄN THỊ T** – sinh năm 1937.

**NGUYỄN THỊ MƯỜI Ú** – sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: ấp B 1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*(Anh M có mặt; bà T và bà Ú vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đồng Thị C và người đại diện ủy quyền anh Lê Minh M trình bày:*

Trước đây vào ngày 27/02/1997 âm lịch bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mười Ú có mượn của bà Đồng Thị C 05 chỉ vàng 24K. Khi mượn thì bà T và bà Ú hẹn ngày 10/6/1997 âm lịch trả. Từ đó đến nay bà C nhiều lần yêu cầu bà T và bà Ú trả vàng cho bà C nhưng bà T và bà Ú vẫn không trả. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà T và bà Ú trả cho bà C 05 chỉ vàng 24K, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tại biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Mười Ú tình bày:*

Bà thừa nhận có mượn của bà Đồng Thị C 05 chỉ vàng 24K, thời gian mượn đã lâu nên bà không nhớ rõ, mượn để trả nợ và mua gạo. Nay bà đồng ý trả cho bà C 05 chỉ vàng 24K nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà xin được trả làm 02 lần như sau: Ngày 05/5/2020 âm lịch trả 02 chỉ vàng 24K; Ngày 05/5/2021 âm lịch trả 03 chỉ vàng 24K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Đòi lại tài sản”.

[1] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mười Ú đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà T và bà Ú.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C có cho bà T và bà Ú mượn 05 chỉ vàng 24K vào ngày 27/02/1997 âm lịch, hẹn đến ngày 10/6/1997 âm lịch trả nhưng đến nay không trả nên bà C khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà C có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ do bà T và bà Ú viết và ký tên, phía bà Ú cũng thừa nhận có mượn của bà C 05 chỉ vàng 24K để trả nợ và mua gạo. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà C và bà T, bà Ú đã xác lập một hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại Điều 512 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, từ ngày 10/6/1997 âm lịch cho đến nay bà T và bà Ú không trả cho bà C số vàng nào cả, tính đến ngày 10/6/2000 âm lịch tức ngày 11/7/2000 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày

03/12/2012, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Phía bà T và bà Ú đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà T và bà Ú có trách nhiệm trả nợ cho bà C. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà T và bà Ú có trách nhiệm liên đới trả cho bà C 05 chỉ vàng 24K là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 289 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu bà T và bà Ú trả tiền lãi.

Về thời gian trả: Xét yêu cầu của bà Ú xin trả dần 05 chỉ vàng 24K làm hai lần vào ngày 05/5/2020 âm lịch trả 02 chỉ vàng 24K và ngày 05/5/2021 âm lịch trả 03 chỉ vàng 24K không được phía đại diện ủy quyền của bà C đồng ý; đồng thời bà T và bà Ú đã nợ bà C số vàng này quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C, nên Hội đồng xét xử buộc bà T và bà Ú trả cho bà C 05 chỉ vàng 24K ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Đồng Thị C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mười Ú phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà T và bà Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vì bà T và bà Ú là cá nhân thuộc hộ nghèo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 429, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 280, Điều 289 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.
- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mười Ú có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đồng Thị C 05 chỉ vàng 24K. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Về án phí:** Hoàn lại cho bà Đồng Thị C 438.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015425 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CC THADS huyện CG;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Xuân**

